

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN DƯƠNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 27-6-2019  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Thúy

Ông Đỗ Văn Thư

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Ngô Trí Thắng- Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Võ Thị Mai Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án số 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Đỗ Thị B; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn Duy T; nơi cư trú: Thôn, Tr, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Đỗ Thị B trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Duy T kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình bố mẹ đẻ anh T ở thôn T, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận

hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu, không làm chủ được bản thân, nghi ngờ, xúc phạm chị và gia đình chị làm cho cuộc sống vợ chồng luôn sống trong tình trạng căng thẳng, không có hạnh phúc. Bản thân chị đã cố gắng tìm nhiều cách khắc phục mâu thuẫn nhưng anh T không tiếp thu đánh đuổi chị ra khỏi nhà. Do mâu thuẫn nghiêm trọng nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 4 năm 2018 đến nay, từ đó chị và anh T đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, hai bên không thể chung sống đoàn tụ với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy T để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Duy T có ba con chung Nguyễn Duy T, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2008, Nguyễn Duy K, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2016, Nguyễn Duy B, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2018. Từ khi hai bên ly thân chị nuôi con chung Nguyễn Duy B, anh T nuôi hai con chung Nguyễn Duy T, Nguyễn Duy K. Ly hôn do hai con chung đã ở với anh T ổn định nên chị đề nghị Tòa án giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy T, Nguyễn Duy K còn giao cho chị nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy B sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Duy T không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, sau phần hỏi anh Nguyễn Duy T có quan điểm trình bày:

Anh T xác định lời trình bày của chị Đỗ Thị B về thời gian kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng là đúng sự thật, anh không có ý kiến gì thêm. Nay chị B xin ly hôn anh cũng đồng ý vì chị B đã không còn tình cảm với anh nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị B có ba con chung họ tên, ngày tháng năm sinh các con chung như chị B đã trình bày là chính xác. Ly hôn anh thống nhất với quan điểm của chị B đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi hai con chung Nguyễn Duy T và Nguyễn Duy K, giao cho chị B nuôi con chung Nguyễn Duy B sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Duy T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm 1 phần quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vắng mặt tại các phiên họp kiểm

tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa lần 1 không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ vào các điều 28, 70, 143, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị B và anh Nguyễn Duy T. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung Nguyễn Duy T, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2008, Nguyễn Duy K, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2016 cho anh Nguyễn Duy T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, giao cho chị Đỗ Thị B trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Duy B, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2018. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Đỗ Thị B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Đỗ Thị B và anh Nguyễn Duy T về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm, bất hòa, đánh cãi nhau, không có hạnh phúc và hai bên đã sống ly thân từ giữa năm 2018 đến nay, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không thông cảm, tôn trọng nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn hai bên đã được gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo anh T đến để hòa giải tìm cách khắc phục mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh T đều vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên hòa giải để hai bên hàn gắn đoàn tụ. Sau phân hỏi tại phiên tòa chị B và anh T đều xác định hai bên không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không có hạnh phúc, sống ly thân, mâu thuẫn không thể khắc phục đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Đỗ Thị B và anh Nguyễn Duy T đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Bình và anh Tuấn đưa ra tại phiên tòa là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào các điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị B và anh Nguyễn Duy T.

[2] Về con chung: Chị Đỗ Thị B và anh Nguyễn Duy T có ba con chung Nguyễn Duy T, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2008, Nguyễn Duy K, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2016, Nguyễn Duy B, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2018. Tại phiên tòa

chị B và anh T thống nhất thỏa thuận đề nghị Tòa án giao cho chị B tiếp tục nuôi con Nguyễn Duy B còn để anh T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy T, Nguyễn Duy K sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Xét việc nuôi dưỡng con chung là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, từ khi chị B và anh T sống ly thân cho đến nay con chung Nguyễn Duy T, Nguyễn Duy K do anh T chăm sóc nuôi dưỡng, con chung Nguyễn Duy B do chị B nuôi dưỡng. Do đó, thỏa thuận về việc nuôi dưỡng các con chung sau ly hôn chị B và anh T đưa ra tại phiên tòa là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng con chung, nguyện vọng con chung để đảm bảo sự ổn định trong việc nuôi dưỡng con chung nên giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Duy T, Nguyễn Duy K, con chung Nguyễn Duy B chưa đủ 36 tháng tuổi, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị Bình trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn chị B và anh T thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết khi nào các bên đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị B và anh Nguyễn Duy T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị Đỗ Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị B và anh Nguyễn Duy T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Đỗ Thị B và anh Nguyễn Duy T giao con chung Nguyễn Duy B, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2018 cho chị Đỗ

Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Duy T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy T, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2008, Nguyễn Duy K, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2016 sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị B đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004088 ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Đỗ Thị B và anh Nguyễn Duy T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã L (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Hương**

